

Bản án số: 164/2023/KDTM-ST

Ngày: 14/6/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng  
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đỗ Thị Trúc Ly;

2. Bà Lê Thị Tụ.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*

Ông Nguyễn Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh đã xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 252/2022/KTST ngày 31/10/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3864/2023/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4336/2023/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Công ty TNHH I.

Địa chỉ: Lô 9A, Đường số 15, KCN T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

*Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:*

1. Bà Lê Thị X, sinh năm 1988;

2. Ông Châu Tước D, sinh năm 2000.

(Đại diện theo Giấy uỷ quyền số 01/UQ ngày 23/11/2022).

Cùng địa chỉ liên hệ: Lầu 4, 55 Bis N, phường Đ, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

*- Bị đơn:* Công ty TNHH T - Group.

Địa chỉ: Tầng 4, Số 156 T, phường T, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật của Bị đơn:* Ông Lê Lâm Huỳnh L, sinh năm 1984  
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – Đăng ký lần đầu 25/6/2020).

Địa chỉ thường trú: Ấp C, thị trấn TĐ, huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ tạm trú: Căn hộ G209 chung cư T, 4449 đường N, phường T, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, tại các bản khai, trong quá trình tố tụng tại tòa và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn - Công ty TNHH I là ông Châu Tước D và bà Lê Thị X trình bày:*

Ngày 19/5/2021, Nguyên đơn Công ty TNHH I và Bị đơn Công ty TNHH T - Group tham gia ký Hợp đồng Nguyên tắc số 001/2021/TQ-IF. Theo đó, Bị đơn có nghĩa vụ cung cấp bao bì, chai lọ,... để Nguyên đơn thực hiện việc đóng gói hàng hoá. Nguyên đơn có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Bị đơn (Công ty TNHH T – Group tài khoản số 25062020xx mở tại Ngân hàng TMCP A) khi nhận được thông báo hoàn tất đơn hàng từ Bị đơn.

Thực hiện hợp đồng, Nguyên đơn đã đặt hàng 80.000 túi đựng và 16 cây trục in 8 màu với tổng giá trị theo Báo giá đơn hàng ngày 19/5/2021 của Bị đơn là 117.656.000 đồng. Nguyên đơn đã sử dụng tài khoản Ngân hàng của Nguyên đơn số 7676786xx mở tại Ngân hàng TMCP A thanh toán trước cho Bị đơn tổng số tiền 66.328.000 đồng vào tài khoản của Bị đơn, cụ thể: ngày 25/5/2021 thanh toán số tiền 58.828.000 đồng và ngày 31/5/2021 thanh toán số tiền 7.500.000 đồng.

Ngày 22/7/2021, Bị đơn đã thực hiện việc giao hàng, tuy nhiên chất lượng hàng hoá không đạt yêu cầu nên ngày 23/7/2021, Nguyên đơn đã có văn bản từ chối nhận hàng và hoàn trả hàng cho Bị đơn. Phía Bị đơn sau đó xác nhận đã nhận lại đầy đủ số hàng hóa không đạt yêu cầu và cam kết sẽ làm lại lô hàng và giao cho Nguyên đơn trong vòng 14 ngày nhưng Bị đơn vẫn không giao hàng khi đã đến hạn. Sau nhiều lần trao đổi qua tin nhắn zalo (số điện thoại 09033337xx), Bị đơn cam kết sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền mà Nguyên đơn đã thanh toán chậm nhất đến ngày 06/11/2021. Tuy nhiên đến nay, Bị đơn vẫn chưa thực hiện việc hoàn trả số tiền thanh toán trước cho Nguyên đơn.

Nhận thấy, Bị đơn không có thiện chí thanh toán khoản nợ nêu trên, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn. Do đó, Nguyên đơn khởi kiện buộc Bị đơn hoàn trả ngay một lần tổng số tiền 66.328.000 đồng cho Nguyên đơn.

*\* Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và ý kiến đối với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; không đưa ra yêu cầu khác đối với vụ án.*

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử buộc Bị đơn hoàn

trả số tiền Nguyên đơn đã thanh toán trước cho Bị đơn để thực hiện hợp đồng nhưng không thực hiện được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về pháp luật tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn hoàn trả tiền hàng Nguyên đơn đã thanh toán trước cho Bị đơn để thực hiện hợp đồng nguyên tắc số 001/2021/TQ-IF mà hai bên đã ký kết ngày 19/5/2021 nên xác định là vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận.

Tại khoản 4.4 Điều 4 của Hợp đồng nguyên tắc số 001/2021/TQ-IF ngày 19/5/2021 có nội dung "...Nếu trường hợp hai bên có tranh chấp nhưng không thương lượng được thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết, sự phán quyết của Tòa án kinh tế là phán quyết cuối cùng". Xét phần thỏa thuận của hai bên về việc lựa chọn Tòa án kinh tế là Tòa án có thẩm quyền phán quyết cuối cùng khi có tranh chấp tại hợp đồng nêu trên không phù hợp với quy định pháp luật nên không phát sinh hiệu lực đối với phần thỏa thuận này.

Theo Phiếu cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đăng ký lần đầu, ngày 25/6/2020) do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp; công văn số 58715/CTTQ1-KK-KTT-TH ngày 27/12/2022 của Chi cục Thuế Quận 1 thì Bị đơn có đăng ký trụ sở chính tại địa chỉ: Tầng 4, 156 T, phường T, Quận M, Tp Hồ Chí Minh, tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án bị đơn chưa đăng ký giải thể nên căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

#### **[1.2] Về việc giải quyết vắng mặt các đương sự:**

Theo kết quả xác minh của Công an phường T, Quận M thì tại địa chỉ Tầng 4, 156 T, phường T, Quận M, Tp Hồ Chí Minh không có Công ty TNHH T - Group là Bị đơn hoạt động. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì người đại diện theo pháp luật của Bị đơn là Ông Lê Lâm Huỳnh L, sinh năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp C, thị trấn TĐ, huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng; nơi ở hiện tại: Căn hộ G209 chung cư T, 4449 Đường N, phường T, quận B, Tp. Hồ Chí Minh. Theo kết quả xác minh của Công an thị trấn TĐ và Công an phường T thì ông L có đăng ký thường trú và tạm trú tại địa chỉ trên nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương, đi đâu không rõ.

Qua việc xác minh địa chỉ của bị đơn, có cơ sở xác định đơn khởi kiện của nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn, việc bị đơn thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho người khởi kiện biết được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, đại diện Nguyên đơn tham gia đầy đủ khi có Giấy triệu tập của Tòa án, Bị đơn vắng mặt trong quá trình chuẩn bị xét xử không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ, Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn và Bị đơn.

[1.3] Về tư cách đương sự: Nguyên đơn ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Châu Tước D và bà Lê Thị X. Xét là sự tự nguyện, hợp lệ, không trái pháp luật nên chấp nhận.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn là pháp nhân được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (mã số doanh nghiệp: 11019089xx, cấp lần đầu ngày 21/02/2019) do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp. Thời điểm Nguyên đơn khởi kiện, Bị đơn là pháp nhân được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (mã số doanh nghiệp: 03163494xx cấp lần đầu ngày 25/6/2020). Hợp đồng nguyên tắc số 001/2021/TQ-IF ngày 19/5/2021 được giao kết giữa các bên có hình thức, nội dung không trái pháp luật, không trái đạo đức nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc số 001/2021/TQ-IF ngày 19/5/2021, Báo giá đơn đặt hàng ngày 19/5/2021; Biên bản từ chối nhận hàng ngày 23/7/2021; ủy nhiệm chi; Giấy báo nợ từ Ngân hàng; Vi bằng số 016/2023/VB-TPL.HBC lập từ ngày 30/12/2022 đến ngày 03/01/2023 của Văn phòng Thừa phát lại huyện B, lời khai của Nguyên đơn có cơ sở để xác định: Nguyên đơn và Bị đơn có ký kết hợp đồng nguyên tắc, theo đó Bị đơn cung cấp cho Nguyên đơn các mặt hàng gồm 80.000 túi nạ PET/MPET/PE ép 3 biên mờ và 16 cây trục in 8 màu (ghép trục 6 mẫu) để Nguyên đơn thực hiện đóng gói hàng hóa của Nguyên đơn với tổng giá trị là 117.656.000 đồng, Nguyên đơn đã thanh toán trước cho Bị đơn tổng số tiền 66.328.000 đồng, cụ thể: ngày 25/5/2021 thanh toán số tiền 58.828.000 đồng và ngày 31/5/2021 thanh toán số tiền 7.500.000 đồng. Theo lời trình bày của Nguyên đơn: Ngày 22/7/2021, Bị đơn đã thực hiện việc giao hàng, tuy nhiên chất lượng hàng hoá không đạt yêu cầu nên ngày 23/7/2021, Nguyên đơn đã có văn bản từ chối nhận hàng và hoàn trả hàng cho Bị đơn. Phía Bị đơn sau đó xác nhận đã nhận lại đầy đủ số hàng hóa không đạt yêu cầu, cam kết sẽ làm lại lô hàng và giao cho Nguyên đơn trong vòng 14 ngày nhưng Bị đơn vẫn không giao hàng khi đã đến hạn. Sau nhiều lần trao đổi qua tin nhắn zalo (số điện thoại 09033337xx là số điện thoại của ông Lê Lâm Huỳnh L - đại diện theo pháp luật của Bị đơn), Bị đơn cam kết sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền mà Nguyên đơn đã thanh toán chậm nhất đến ngày 06/11/2021.

Theo văn bản số 04/CV-TTH.23 ngày 09/02/2023 của Ngân hàng TMCP A trả lời cho Tòa án nhân dân Quận 1 có nội dung Nguyên đơn là chủ sở hữu tài khoản số 7676786xx mở tại Ngân hàng TMCP A – PGD Tây Thạnh, tài khoản của Nguyên đơn có thực hiện giao dịch chuyển khoản đến tài khoản số 25062020xx của Bị đơn với số tiền 58.828.000 đồng vào ngày 25/5/2021 và 7.500.000 đồng vào ngày 31/5/2021.

Theo văn bản số 392/MOBIFONE 2-P.CSKH ngày 06/3/2023 của Công ty Dịch vụ Mobifone KV2 thuộc Tổng công ty viễn thông Mobifone trả lời cho Tòa án nhân dân Quận 1 có nội dung như sau: Số thuê bao từ ngày 19/5/2021 đến ngày 02/3/2023 thể hiện người đứng tên thuê bao số điện thoại 09033337xx là ông Lê Lâm Huỳnh L.

Tại Vi bằng số 016/2023/VB-TPL.HBC lập từ ngày 30/12/2022 đến ngày 03/01/2023 của Văn phòng Thừa phát lại huyện B cũng đã thể hiện những nội dung tin nhắn trao đổi qua ứng dụng zalo giữa ông L là đại diện theo pháp luật của Bị đơn và đại

diện Nguyên đơn đều thông qua số điện thoại 09033337xx, chứng cứ này hiện nay Nguyên đơn đang lưu giữ trong máy tính.

Như vậy, có đầy đủ căn cứ để xác định Nguyên đơn đã chuyển tiền hàng cho Nguyên đơn 66.328.000 đồng, việc Bị đơn cam kết hoàn lại tiền cho Nguyên đơn là có thực và từ khi cam kết cho đến nay, không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh Bị đơn đã thực hiện việc hoàn trả số tiền thanh toán trước cho Nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy Nguyên đơn khởi kiện buộc Bị đơn hoàn trả ngay một lần tổng số tiền 66.328.000 đồng cho Nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết nội dung vụ án nêu trên phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử. Do vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận thì Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán theo quy định pháp luật; Nguyên đơn được hoàn lại tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP ngày 05/6/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đính chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2014;

- Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH I:

Buộc Công ty TNHH T - Group hoàn trả lại ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật cho Công ty TNHH I số tiền 66.328.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn đồng) do không thực hiện đúng theo Hợp đồng nguyên tắc số 001/2021/TQ-IF ngày 19/5/2021 mà hai bên đã ký kết.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH I (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH T - Group còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí tranh chấp kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

Công ty TNHH T - Group phải chịu án phí là 3.316.400 đồng (Ba triệu, ba trăm mười sáu nghìn, bốn trăm đồng).

Công ty TNHH I không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH I số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0004854 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND Q 1;
- VKSND TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- CC THADS Q1;
- Dương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Thu Hiền**